|  |  |
| --- | --- |
| **CHÍNH PHỦ**  Số: 52/TTr-CP | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Hà Nội, ngày 16 tháng 02 năm 2022* |

**TỜ TRÌNH**

**Về việc ban hành Nghị quyết của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về thời giờ làm thêm trong 01 tháng và trong 01 năm của người lao động**

Kính gửi: Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Chính phủ kính trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội dự thảo Nghị quyết về thời giờ làm thêm trong 01 tháng và trong 01 năm của người lao động như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT ĐIỀU CHỈNH THỜI GIAN LÀM THÊM GIỜ**

Tình hình dịch bệnh COVID-19 ở nước ta hiện nay vẫn đang diễn biến rất phức tạp. Do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19, đặc biệt đợt dịch COVID-19 lần thứ tư ở Việt Nam diễn ra từ tháng 4 năm 2021 đã tác động mạnh mẽ và nặng nề tới nhiều mặt của đời sống xã hội; ảnh hưởng tiêu cực đến người lao động cũng như doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trong hoạt động sản xuất, kinh doanh như các doanh nghiệp ngành du lịch, ngành dịch vụ, doanh nghiệp sản xuất trong chuỗi cung ứng nhu cầu thiết yếu.

Trong năm 2021, đã có hàng triệu người lao động mất việc, lao động trong các ngành kinh tế tiếp tục giảm. Lao động mất việc trong khu vực công nghiệp và xây dựng là 16,3 triệu người (chiếm 33,2%), giảm 254,2 nghìn người so với năm trước; khu vực dịch vụ là 18,6 triệu người (chiếm 37,9%), giảm 800,8 nghìn người so với năm trước; khu vực nông, lâm nghiệp và thuỷ sản là 14,2 triệu người (chiếm 28,9%), tăng 37,3 nghìn người so với năm trước.

Trong quý 4/2021, các doanh nghiệp hoạt động trở lại, tập trung đẩy mạnh hoạt động sản xuất nhằm sớm phục hồi và phát triển sản xuất, kinh doanh. Tuy nhiên, tính chung cả năm 2021 thị trường lao động vẫn còn gặp nhiều khó khăn, với tỷ lệ thất nghiệp năm nay cao hơn năm trước, trong đó: Tỷ lệ thất nghiệp lao động trong độ tuổi khu vực thành thị ở mức cao là 4,42%, cao hơn 1,94% so với khu vực nông thôn; tỷ lệ thiếu việc làm của lao động trong độ tuổi ở khu vực thành thị là 3,33%, cao hơn 0,37% so với khu vực nông thôn.

Sau khi kết thúc giãn cách xã hội, thực hiện chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11/10/2021, các địa phương đã trở lại trạng thái bình thường mới, thực hiện chuyển hướng chiến lược phòng, chống dịch sang "thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19". Nhưng do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 xảy ra liên tục trong 02 năm qua làm hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp bị đình trệ, lao động không có việc làm và thất nghiệp tăng, sự dịch chuyển lao động lớn gây thiếu hụt lao động có trình độ kỹ thuật ở nhiều địa phương…

Vì vậy, việc hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do tác động bởi đại dịch COVID-19 là cần thiết, là giải pháp tình thế trong hoàn cảnh đặc biệt để kịp thời đáp ứng yêu cầu cấp bách hỗ trợ đời sống nhân dân, người lao động; hỗ trợ người sử dụng lao động ổn định, phục hồi sản xuất, kinh doanh và tạo đà phát triển trong thời gian tới; đáp ứng nhu cầu sử dụng lao động và tăng sự linh hoạt việc bố trí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong bối cảnh đại dịch COVID-19.

Theo quy định tại Điều 107 Bộ luật Lao động thì người sử dụng lao động được phép thoả thuận với người lao động làm thêm không quá 40 giờ/tháng, đồng thời một số ngành, nghề, công việc (như dệt may, da, giày, chế biến thuỷ hải sản …) được làm thêm từ trên 200 giờ đến 300 giờ/năm.

Chính phủ và các bộ, ngành, địa phương đã nhận được nhiều phản ánh của các doanh nghiệp, các hiệp hội doanh nghiệp về thực trạng hoạt động sản xuất, đặc biệt là những khó khăn về lực lượng lao động, mong muốn được thỏa thuận làm thêm giờ để phục hồi sản xuất, làm bù cho khoảng thời gian phải ngừng việc.

Thực tế trên cho thấy các quy định về giới hạn làm thêm trong tháng, trong năm tại Điều 107 của Bộ luật Lao động cần phải có sự điều chỉnh trong giai đoạn ngắn để hỗ trợ doanh nghiệp phục hồi sản xuất, người lao động có việc làm và thêm thu nhập, ổn định lại cuộc sống.

Trong thời gian vừa qua, để kịp thời đáp ứng yêu cầu của công tác phòng, chống dịch COVID-19, dưới sự chỉ đạo của Đảng, Nhà nước, Chính phủ đã thực hiện nhiều giải pháp để hỗ trợ cho doanh nghiệp và người lao động. Chính sách về làm thêm giờ cũng là một trong những giải pháp góp phần hỗ trợ doanh nghiệp, người lao động. Vì vậy, Chính phủ đã xây dựng Nghị quyết về thời giờ làm thêm trong 01 tháng và trong 01 năm của người lao động, trong đó đề xuất nâng số giờ làm thêm trong 01 tháng của người lao động từ không quá 40 giờ lên không quá 72 giờ và số giờ làm thêm trong 01 năm của người lao động là không quá 300 giờ và được áp dụng cho tất cả các ngành, nghề, công việc. Nội dung chính sách được xây dựng trong dự thảo Nghị quyết này là các vấn đề khác với quy định của Bộ luật Lao động 2019; thuộc thẩm quyền của Quốc hội theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020).

Nghị quyết số 30/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại kỳ họp thứ nhất, Quốc hội Khóa XV quy định: “để ứng phó kịp thời, có hiệu quả với diễn biến phức tạp của tình hình dịch COVID-19”, Quốc hội tán thành việc giao Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ “tiếp tục có biện pháp thiết thực, hiệu quả hỗ trợ cụ thể cho người dân, người lao động, người sử dụng lao động”; “đối với những vấn đề thuộc thẩm quyền của Quốc hội và Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì Chính phủ báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định trước khi thực hiện”; “trường hợp cần thiết phải ban hành quy định về phòng, chống dịch COVID-19 khác với quy định của luật thì trong thời gian Quốc hội không họp, Chính phủ báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét quyết định theo trình tự, thủ tục rút gọn trước khi thực hiện”.

**II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

1. Thể hiện được sự quan tâm, chia sẻ của Đảng, Nhà nước đối với người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19.

2. Kịp thời phát hiện, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp do tác động tiêu cực của đại dịch COVID-19, góp phần ổn định sản xuất, kinh doanh, hồi phục và tạo đà phát triển trong thời gian tới.

3. Việc điều chỉnh quy định về thời gian làm thêm giờ phải bảo đảm phù hợp với bối cảnh hiện nay, dự báo được khoảng thời gian thực hiện, bảo đảm sức khoẻ của người lao động để duy trì khả năng lao động lâu dài, đồng thời phải bảo đảm sự đồng thuận của người lao động trong quá trình thực hiện.

**III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

Dự thảo Nghị quyết đã được nghiên cứu, xây dựng đảm bảo đúng trình tự, thủ tục rút gọn quy định tại Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, cụ thể:

1. Xây dựng dự thảo Nghị quyết.

2. Gửi lấy ý kiến của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; các hội, đoàn thể có liên quan.

Đã có 13 cơ quan gửi văn bản góp ý. Về cơ bản, tất cả các ý kiến đều thống nhất về sự cần thiết ban hành và nội dung dự thảo Nghị quyết.

Một số Hiệp hội Doanh nghiệp như Hiệp hội Doanh nghiệp Nhật Bản, Hiệp hội chế biến và xuất khẩu thủy sản Việt Nam, Hiệp hội Dệt may Việt Nam, Hiệp hội Da - Giày - Túi xách Việt Nam, Hiệp hội Doanh nghiệp Điện tử Việt Nam có ý kiến đề xuất tăng giới hạn làm thêm giờ từ 300 giờ lên 400 giờ trong 01 năm. Trong quá trình xây dựng Bộ luật Lao động 2019, Chính phủ đã trình Quốc hội đề xuất mở rộng khung thỏa thuận về giờ làm thêm tối đa từ 300 giờ/năm lên 400 giờ/năm. Tuy nhiên, Bộ luật Lao động năm 2019 quy định làm thêm không quá 300 giờ trong 01 năm trong một số ngành, nghề, công việc hoặc trường hợp nhất định (khoản 3 Điều 107). Việc tăng thời gian làm thêm lên quá 300 giờ/năm là vấn đề rất quan trọng, liên quan trực tiếp đến sức khỏe người lao động, an toàn lao động, hiệu quả, chất lượng nguồn nhân lực và đặc biệt đây là vấn đề còn nhiều ý kiến khác nhau. Vì vậy, đề xuất nâng giới hạn giờ làm thêm này sẽ tiếp tục được nghiên cứu, tổng hợp trong quá trình đánh giá việc thực hiện Bộ luật Lao động 2019.

Các nội dung góp ý khác đã được Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp, nghiên cứu, giải trình, tiếp thu (có bảng tổng hợp kèm theo) và hoàn chỉnh tại dự thảo Nghị quyết.

3. Tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp và hoàn thiện dự thảo Nghị quyết trình Chính phủ (Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định kèm theo).

4. Tiếp thu ý kiến Thành viên Chính phủ và hoàn thiện dự thảo Nghị quyết trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

**IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ QUYẾT**

Nghị quyết về thời giờ làm thêm trong 01 tháng và trong 01 năm của người lao động được kết cấu thành 02 Điều, với nội dung cơ bản như sau:

**1. Nội dung**

Nâng giới hạn số giờ làm thêm trong 01 tháng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 107 Bộ luật Lao động khi người sử dụng lao động thỏa thuận với người lao động về việc làm thêm giờ từ không quá 40 giờ lên không quá 72 giờ và tổng số giờ làm thêm của người lao động không quá 300 giờ trong 01 năm mà không bị giới hạn nhóm ngành, nghề, công việc hoặc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 107 Bộ luật Lao động.

Các quy định giới hạn giờ làm thêm theo ngày và việc nghỉ ngơi (nghỉ trong giờ làm việc, nghỉ chuyển ca...), tiền lương tuân thủ theo Bộ luật Lao động nhằm đảm bảo sức khỏe cho người lao động.

Về thời gian áp dụng: Dự thảo Nghị quyết được xây dựng trong bối cảnh “đặc biệt” và “cấp bách”; nội dung quy định tại dự thảo Nghị quyết là khác so với Bộ luật Lao động năm 2019, theo đó về nguyên tắc, việc thực hiện chính sách tại dự thảo Nghị quyết chỉ nên thực hiện trong một thời gian ngắn, thích hợp để giải quyết những vấn đề cấp bách, cấp thiết. Theo điểm 3.8 Nghị quyết số 30/2021/QH15, các biện pháp quy định tại các điểm 3.3, 3.4 Nghị quyết số 30/2021/QH15 được thực hiện cho đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2022 và báo cáo Quốc hội về việc áp dụng các biện pháp đặc biệt này tại kỳ họp gần nhất.

Vì vậy, thời gian áp dụng chính sách này được dự thảo trong Nghị quyết là kể từ thời điểm Nghị quyết được ký ban hành đến thời điểm các biện pháp quy định tại điểm 3 của Nghị quyết số 30/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 Kỳ họp thứ nhất, Quốc hội khóa XV hết hiệu lực thi hành.

**2. Về tính tương thích với các điều ước quốc tế có liên quan**

Dự thảo Nghị quyết bảo đảm tính tương thích với các điều ước quốc tế về lao động, thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi nói riêng mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

**3. Về đánh giá tác động thủ tục hành chính**

Nghị quyết không phát sinh thêm thủ tục hành chính mới so với quy định pháp luật hiện hành.

**4. Về báo cáo lồng ghép bình đẳng giới**

Dự thảo Nghị quyết không phát sinh thêm bất kỳ nội dung mới nào liên quan đến bình đẳng giới so với quy định pháp luật hiện hành.

**5. Về điều kiện bảo đảm về nguồn nhân lực, tài chính để bảo đảm thi hành Nghị quyết**

Nội dung dự thảo Nghị quyết cơ bản dựa trên nội dung các quy định của Bộ luật Lao động, không có các khoản chi phí, không phát sinh thủ tục hành chính mới. Các nội dung quy định về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi vẫn đang được các Bộ, ngành, địa phương, cơ quan liên quan thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Vì vậy, cơ bản không phát sinh thêm vấn đề liên quan đến nguồn nhân lực và tài chính để bảo đảm thi hành Nghị quyết.

Chính phủ kính trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét:

1. Tăng số giờ làm thêm trong 01 tháng của người lao động từ không quá 40 giờ lên không quá 72 giờ.

2. Số giờ làm thêm trong 01 năm của người lao động là không quá 300 giờ và được áp dụng cho tất cả các ngành, nghề, công việc.

3. Thời gian thực hiện: từ ngày ký đến thời điểm các biện pháp quy định tại điểm 3 của Nghị quyết số 30/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 Kỳ họp thứ nhất, Quốc hội khóa XV hết hiệu lực thi hành.

Nội dung quy định tại dự thảo Nghị quyết là khác so với Bộ luật Lao động năm 2019. Theo quy định pháp luật hiện hành, việc ban hành, sửa đổi, bổ sung các quy định của Bộ luật Lao động thuộc thẩm quyền của Quốc hội. Tuy nhiên, trong bối cảnh đặc biệt, đáp ứng yêu cầu cấp bách, đồng thời để việc triển khai chính sách hỗ trợ được tiến hành trong thời gian sớm nhất, kịp thời hỗ trợ hoạt động sản xuất, kinh doanh, Chính phủ kính trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội căn cứ Nghị quyết số 30/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Kỳ họp thứ Nhất, Quốc hội khóa XV xem xét, quyết định thông qua.

*Hồ sơ kèm theo gồm có:*

*- Dự thảo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;*

*- Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong dự thảo Nghị quyết;*

*- Báo cáo lồng ghép giới;*

*- Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp;*

*- Báo cáo tổng hợp ý kiến góp ý.*

Chính phủ trân trọng báo cáo và kính trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên;  - Ủy ban Xã hội của Quốc hội;  - Ủy ban Pháp luật của Quốc hội;  - Thủ tướng Chính phủ;  - Các Phó Thủ tướng Chính phủ;  - Văn phòng Quốc hội;  - Văn phòng Chính phủ;  - Bộ Tư pháp;  - Lưu: VT, KGVX (05 bản). | **TM. CHÍNH PHỦ**  **TUQ. THỦ TƯỚNG**  **BỘ TRƯỞNG BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**  (đã ký)  **Đào Ngọc Dung** |